

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/DS-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 782/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2023 việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, giữa các đương sự:*

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hiền H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số B, khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Minh P, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số C, khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hiền H do ông Trương Ngọc T đại diện trình bày như sau:

Do có sự quen biết nên ngày 27/11/2019, ông H có cho Huỳnh Thị Minh P mượn số tiền 285.000.000 đồng, không tính lãi, cam kết trong vòng 04 tháng trả đủ 285.000.000 đồng. Sau khi bà P mượn tiền, bà P có trả, mỗi lần trả 5.000.000 đồng, có lần trả 10.000.000 đồng, tất cả trả bằng tiền mặt có giấy biên nhận do bà P giữ; đồng thời đã qua 04 tháng mà bà P không trả đủ 285.000.000 đồng, nên 02 bên gặp nhau trực tiếp trao đổi về số tiền đã trả, hai bên đối chiếu, xem xét thì tổng số tiền bà P trả cho ông H là 35.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng. Sau đó, ông H tiếp tục đòi bà P trả 250.000.000 đồng, bà P hứa sẽ trả trong thời gian sớm nhất.

Ông H đã đợi thêm 02 tháng nữa mà bà P vẫn không trả, tức là vào tháng 7 năm 2020, cụ thể vào ngày 05/7/2020, ông H gặp trực tiếp bà P trao đổi về số tiền chưa trả là 250.000.000 đồng, bà P hứa sẽ trả và làm giấy cam kết trả nợ, tổng số tiền bà P còn nợ là 250.000.000 đồng, hứa sẽ trả hết tháng 12 âm lịch (tức tháng 2 năm 2021).

Trong thời gian từ ngày 05/7/2020 đến hết tháng 02/2021, bà P đã trả nhiều lần, vừa trả bằng tiền mặt, vừa chuyển khoản, có 02 lần trả mỗi lần trả 35.000.000 đồng có giấy biên nhận do bà P giữ, còn lại mỗi lần trả 5.000.000 đồng/tháng.

Khi hết hạn cam kết đến tháng 02/2021, bà P phải trả đủ 250.000.000 đồng, do thấy chưa trả đủ nên 02 bên gặp trực tiếp trao đổi, hai bên xem xét, đối chiếu thì trong thời gian từ ngày ngày 05/7/2020 đến hết tháng 02/2021, bà P đã trả 140.000.000 đồng còn lại 110.000.000 đồng, bà P hứa sẽ trả, nhưng từ đó cho đến nay, bà P không trả mặc dù ông H nhiều lần yêu cầu trả tiền mà bà P vẫn trốn tránh không thực hiện.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu bà P phải trả cho ông H tiền nợ gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 3/2021 cho đến ngày xét xử (ngày 21/6/2024), với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: $110.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 38 \text{ tháng} = 35.333.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng, bà P phải trả cho ông H là 145.333.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà P vắng mặt và không nộp tài liệu chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Hiền H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Minh P trả số tiền vay 110.000.000 đồng, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do bị đơn bà Huỳnh Thị Minh P cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Huỳnh Thị Minh P đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà P theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Minh P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có lời trình bày và các tài liệu chứng cứ giao nộp thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Căn cứ vào “Giấy mượn tiền” không đề ngày có nội dung: “Tôi tên Huỳnh Thị Minh P, sn 1984, ngụ ấp B, xã H, CMND 301097496, cấp ngày 08/3/13, tại CALA. Nay tôi có mượn của chú Nguyễn Hiền H, sn 1972, đc: Ấp C, xã H, Đ, Long An. Tôi có mượn của chú với số tiền 285.000.000đ (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Hẹn chú trong vòng 4 tháng sẽ trả hết chú số tiền trên. Nếu trong vòng 4 tháng trên tôi không thực hiện lời hứa trên sẽ đưa ra pháp luật xử lý. Ký tên, lăn tay, ghi rõ họ tên Huỳnh Thị Minh P, ngày 27/11/2019”. Và “Giấy cam kết trả nợ” với nội dung: “Tôi tên Huỳnh Thị Minh P, sn 1984, Đ/c: 32C khu vực 3, thị trấn Đ, Đ, Long An; 301097496, cấp ngày 08/3/2013, Nay tôi có cam kết với chú Nguyễn Hiền H, sn 1972, CMND 300755543, cấp ngày 26/02/2020, ngụ Ấp C, xã H, Đ, Long An. Vào ngày 05/7/2020 sẽ trả 5.000.000đ (năm triệu đồng) vào tháng 7/2020 và hẹn đến tháng kế tiếp mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) và từ bây giờ đến tết sẽ hết số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) đến Tháng 12 (al) năm 2020, người viết ký tên, lăn tay, ghi họ tên Huỳnh Thị Minh P”.

Xét thấy, đây là thỏa thuận vay tài sản giữa bên cho vay là ông Nguyễn Hiền H với bên vay là bà Huỳnh Thị Minh P theo quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự. Đến thời hạn trả tiền theo giấy vay tiền nhưng bà P không trả, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Ông Nguyễn Hiền H xác định đến tháng 12/2020 (âm lịch) là tháng 02/2021 (dương lịch) thì bà P còn nợ ông số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Do đó, ông Nguyễn Hiền H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Minh P trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Ông Nguyễn Hiền H yêu cầu bà Huỳnh Thị Minh P phải trả cho ông H số tiền lãi chậm trả từ tháng 03/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2024) với lãi suất 10%/năm. Xét thấy, theo “Giấy mượn

tiền” và “Giấy cam kết trả nợ” tại mục [3.2] thể hiện ông H và bà P không có thỏa thuận lãi suất. Cam kết trả hết tiền vào tháng 12/2020 (âm lịch) tức tháng 02/2021. Nhưng sau tháng 02/2021 thì bà P không trả hết nợ cho ông H, nên ông H yêu cầu bà P trả lãi chậm trả là có căn cứ theo khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự. Do đó, ông H yêu cầu bà P phải trả tiền lãi chậm trả tính từ tháng 3/2021 cho đến ngày xét xử (ngày 21/6/2024) là 38 tháng 21 ngày, với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), được tính là: $110.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 38 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 35.333.000 \text{ đồng}$ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, Điều 289, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiền H đối với bà Huỳnh Thị Minh P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Huỳnh Thị Minh P phải trả cho ông Nguyễn Hiền H số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi là 35.333.000 đồng, tổng cộng là 145.333.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hiền H không phải chịu án phí, hoàn lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.403.000 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ ba ngàn đồng) theo biên lai số 0006415 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bà Huỳnh Thị Minh P phải chịu 7.266.650 đồng (bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn ngàn sáu trăm năm mươi ngàn đồng) án phí, sung ngân sách nhà nước.

3/ Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THA DS huyện. Đức Hòa;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA